

Bản án số: 245/2024/DS-PT
Ngày 26 tháng 4 năm 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng ủy
quyền, yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu và chia di sản
thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP C2 TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử Pc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huỳnh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình
Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp C2 tại
Thành phố H2.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp C2 tại Thành phố H2 tham gia
phiên tòa:** Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp C2
tại Thành phố H2 xét xử Pc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
542/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng
ủy quyền, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023
của Tòa án nhân dân tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử Pc thẩm số 1060/2024/QĐPT-DS ngày
05 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị N (TRINH STÉPHANIE), sinh năm 1965.
Địa chỉ: ... APREMONT FRANCE, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Đỗ Khắc P, sinh năm 1983, (có mặt).
Địa chỉ L1 lạc: ..., khu phố 2, phường T, quận 12, Thành phố H2.
- Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1979, (vắng mặt).

Địa chỉ: ..., Phạm Văn Đồng, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của của nguyên đơn: Luật sư
Phạm Văn T, đoàn Luật sư Thành phố H, (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trịnh Hoàng P, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ: . Thái Văn L , phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh B.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trịnh Thị T2 (T), sinh năm 1961, (vắng mặt).

Địa chỉ: .. 93340 LE RAINCY FRANCE.

2. Bà Trịnh Thị Tuyết M (THI), sinh năm 1970, (vắng mặt).

Địa chỉ: .., NC ..-5016 USA.

3. Ông Trịnh Văn H2 (H), sinh năm 1973, (vắng mặt).

Địa chỉ: FRANCE.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, bà M i, ông H2: Ông Phan Minh Đ, (vắng mặt).

Địa chỉ: , khu phố 2, phường Thanh Xuân, quận 12, Thành phố H2.

4. Bà Hoàng Thị Kinh D3, sinh năm 1970, (có mặt).

Địa chỉ: 133 Thái Văn Lung, phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh B.

5. Văn P Công chứng Bà Rịa (vắng mặt).

Địa chỉ: .., xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh B.

6. Văn P Công chứng Lê T2 B1 (vắng mặt).

Địa chỉ: .., phường Long Tâm, thành phố Bà Rịa, tỉnh B.

7. Ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: .., phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh B.

- **Người kháng cáo:** Bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Trịnh Thị N và người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Minh Đ trình bày:

Ông Trịnh Văn T4 (chết năm 2012) và bà Nguyễn Thị 3 (chết năm 2013) kết hôn với nhau và sinh được 05 người con chung bao gồm: bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 và ông Trịnh Toàn P3 (chết năm 2020). Ngoài ra, ông T4 và bà 3 không có người con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ của ông T4, bà 3 đều đã chết trước ông T4, bà 3.

Ông T4, bà 3 không để lại di chúc. Sau khi bà 3 chết, ngày 11-11-2013, 05 người con chung của ông T4, bà 3 là bà T2, bà N, bà M, ông H2 (lúc này đang ở Việt Nam) và ông P3 cùng lập “*Tờ thỏa thuận gia đình về việc xử lý tài sản chung là di sản thừa kế của bố mẹ*”, (sau đây gọi tắt là Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013) thống nhất di sản thừa kế của ông T4, bà 3 để lại bao gồm:

1. Diện tích đất 4.802,2m² thuộc các thửa đất số 235, 253, 266 tờ bản đồ số 51, xã Long Hương, thị xã Bà Rịa (nay là các thửa 211, 218, 235, tờ bản đồ số 19, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

L 722288 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp cho ông Trịnh Văn T4 ngày 09-02-1998, chỉnh lý giảm diện tích ngày 10-5-2005;

2. Diện tích đất 2.350,6m², trong đó có 300m² đất ở thuộc thửa 236, tờ bản đồ số 51, xã Long Hương, thị xã Bà Rịa (nay là thửa 209, tờ bản đồ số 19, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 863994 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp ngày 15-5-2000 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7202000124 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 22-01-2001 cho ông Trịnh Văn T4.

3. Căn nhà diện tích sử dụng 110,5m², diện tích xây dựng 130m² gắn liền trên thửa đất số 236, tờ bản đồ số 51, xã Long Hương, thị xã Bà Rịa (nay là thửa 209, tờ bản đồ số 19, phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7202000124 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 22-01-2001 cho ông Trịnh Văn T4.

Đồng thời, bà T2, bà N, bà M, ông H2 và ông P3 thỏa thuận nội dung: *“Do bà T2, bà N, bà M và ông H2 là người có quốc tịch nước ngoài, không đủ điều kiện đứng tên nhà ở và quyền sử dụng đất tại Việt Nam nên bà T2, bà N, bà M và ông H2 đồng ý để cho em ruột là ông Trịnh Toàn P3 đại diện đứng tên pháp lý trên hồ sơ khai nhận di sản của cha mẹ đối với các tài sản là nhà đất tọa lạc tại phường Kim Dinh, thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa, vì ông P3 là người duy nhất đủ điều kiện đứng tên nhà và đất này. Ông P3 chỉ được đại diện đứng tên trên giấy tờ nhà và đất nhưng đây vẫn là tài sản chung của 05 chị em, khi muốn Đ đoạt các tài sản này thì phải có ý kiến đồng thuận của cả 05 người. Trường hợp nếu có tranh chấp phát sinh thì ý chí của các bên trong thỏa thuận này là căn cứ pháp lý để giải quyết tranh chấp”*.

Căn cứ theo Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013 và không thể ở lại Việt Nam lâu hơn nên bà T2, bà N, bà M và ông H2 lập Hợp đồng ủy quyền số công chứng 726 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 13-11-2013 cho bà Hoàng Thị Kinh D3 (vợ ông Trịnh Toàn P3) với nội dung: *“Bà D3 được thay mặt cho bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 khai nhận di sản thừa kế, thỏa thuận phân chia di sản và khước từ di sản của ông T4, bà 3”*.

Ngày 23-01-2014, bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Toàn P3 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông T4, bà 3 số công chứng 0368 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 23-01-2014 với nội dung: *“Bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 đồng ý tặng cho toàn bộ phần di sản mà mình được hưởng của ông Trịnh Văn T4, bà Nguyễn Thị 3 cho ông Trịnh Toàn P3, không kèm điều kiện”*, là trái với ý chí của bà N tại *“Tờ thỏa thuận gia đình về việc xử lý tài sản chung là di sản thừa kế của bố mẹ”* ngày 11-11-2013 vì bà D3 chưa xin ý kiến và chưa được sự đồng ý của bà T2, bà N, bà M, ông H2 để tặng cho toàn bộ phần di sản của những người này được hưởng cho ông P3.

Năm 2020, ông P3 chết. Ngày 09-3-2021, bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Hoàng P lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Văn P công chứng Lê

T2 B1, giao toàn bộ di sản thừa kế của ông T4, bà 3 cho ông P được toàn quyền sở hữu và sử dụng mà không thông báo và bàn bạc với bà T2, bà N, bà M và ông H2.

Nay bà N khởi kiện đối với ông P yêu cầu Tòa án tuyên:

1. Hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 726 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 13-11-2013 giữa bên ủy quyền bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 và bên nhận ủy quyền bà Hoàng Thị Kinh D3 (*sau đây gọi tắt là Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013*);

2. Tuyên vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 0368 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 23-01-2014 giữa bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 (do bà Hoàng Thị Kinh D3 nhận ủy quyền cho 04 người) và ông Trịnh Toàn P3 (*sau đây gọi tắt là Văn bản thỏa thuận di sản ngày 23-01-2014*);

3. Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản do Văn P công chứng Lê T2 B1 công chứng ngày 09-3-2021 giữa bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Hoàng P (*sau đây gọi tắt là Văn bản thỏa thuận di sản ngày 09-3-2021*);

4. Hủy nội dung cập nhật nhận thừa kế toàn bộ diện tích cho ông Trịnh Toàn P3 ngày 21-02-2014 và đề thừa kế cho ông Trịnh Hoàng P ngày 26-3-2021 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 722288 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp ngày 09-02-1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 863994 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp ngày 15-5-2000 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7202000124 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng cấp ngày 22-01-2001.

5. Công nhận diện tích đất 824,1m² và 01 căn nhà 01 tầng gắn liền trên đất thuộc thửa 211 (235 cũ); diện tích đất 3.405,7m² thuộc thửa đất 218 (253 cũ), diện tích đất 625,3m² thuộc thửa đất 235 (266 cũ) và diện tích đất 2.384,3m² thuộc thửa đất 209 (236 cũ) cùng tờ bản đồ 19 (51 cũ) tọa lạc phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa là di sản thừa kế do ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 để lại.

6. Chia những di sản thừa kế nêu trên của ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 05 người: bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 và ông Trịnh Toàn P3 (đã chết năm 2020, người thừa kế là bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Hoàng P), mỗi người một phần bằng nhau, trong đó nguyên đơn được hưởng 01 phần.

Bị đơn - ông Trịnh Hoàng P trình bày:

Ông P thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và những người thừa kế của ông T4, bà 3.

Trước đây, cha ông P là ông Trịnh Toàn P3 là người được hưởng thừa kế hợp pháp đối với các di sản thừa kế là toàn bộ nhà và đất của ông T4, bà 3 để lại, vì những người con còn lại của ông T4 bà 3 là bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 đều ở nước ngoài, không có quyền được hưởng thừa kế là nhà đất ở Việt Nam. Ông P được biết, ông P3 và bà T2, bà N, bà M, ông H2 đã thỏa thuận mua bán phần đất, sau đó gửi tiền cho bà T2, bà N, bà

M, ông H2. Trên cơ sở đó, ông P3 mới được đứng tên giấy tờ nhà đất một cách hợp pháp. Năm 2020, ông P3 chết, ông P và bà D3 đã thực hiện các thủ tục khai nhận di sản thừa kế và chỉnh lý biến động theo đúng quy Đ của pháp luật mà không có bất kỳ sự phản đối hay khiếu nại gì từ bà T2, bà N, bà M, ông H2. Do đó, ông P không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan - bà Hoàng Thị Kinh D3 trình bày:

Bà D3 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống và những người thừa kế của ông T4, bà 3.

Bà D3 và ông P3 kết hôn với nhau từ năm 1998, sinh được một người con chung là Trịnh Hoàng P. Từ khi kết hôn với ông P3 thì bà D3 đã ở chung với gia đình chồng tại căn nhà diện tích 110,5m² thuộc thửa đất số 236, tờ bản đồ 51 xã Long Hương, thị xã Bà Rịa (nay là phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa) và sử dụng các phần diện tích đất nông nghiệp xung quanh. Năm 2012, ông T4 chết, đến năm 2013 bà 3 chết. Bà D3 không biết ông T4, bà 3 có để lại di chúc về việc phân chia tài sản hay không. Bà D3 cũng không biết gì về Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013. Bà D3 chỉ nghe ông P3 nói lại rằng bà T2, bà N, bà M và ông H2 đã thống nhất từ chối nhận di sản thừa kế của bố mẹ để lại và để ông P3 được toàn quyền quyết Đ đối với toàn bộ tài sản này. Việc bà D3 ký Hợp đồng ủy quyền số 726 ngày 13-11-2013 và Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 23-01-2014 tại Văn P công chứng Bà Rịa là do ông P3 nói bà ký nhưng đồng thời cũng là ý chí của bà. Sau khi ông P3 chết, ông P đã được đứng tên hợp pháp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Tài sản là nhà đất này là thuộc quyền sử dụng của ông P. Do đó, bà D3 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan - Văn P công chứng Bà Rịa trình bày:

Ngày 13-11-2013, Văn P công chứng Bà Rịa có chứng nhận Hợp đồng ủy quyền số 726 quyền 06/2013/TP/CC-SCC/HĐGD theo đó các ông bà Trịnh Thị T2, Trịnh Thị N, Trịnh Thị Tuyết M, Trịnh Văn H2 có ủy quyền cho bà Hoàng Thị Kinh D3 để thay mặt mình toàn quyền thực hiện việc khai nhận, thỏa thuận và khước từ di sản của ông T4, bà 3 chết để lại (có hồ sơ kèm theo).

Ngày 23-01-2014, bà D3 và ông Trịnh Toàn P3 có lập thỏa thuận phân chia di sản được Văn P công chứng Bà Rịa chứng nhận số 368 quyền số 01/2014/TP/CC-SCC/HĐGD theo đó bà D3 đã thỏa thuận khước từ và để lại toàn bộ di sản của ông T4, bà 3 cho ông P3 được nhận để đăng ký sử dụng theo quy Đ. Về hình thức các hợp đồng hoàn toàn phù hợp với quy Đ pháp luật về công chứng. Về nội dung của các hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Các bên tham gia giao dịch có đầy đủ hành vi dân sự theo quy Đ và hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan - Văn P công chứng Lê T2 B1 trình bày:

Ngày 09-3-2021, Văn P công chứng Lê T2 B1 có tiếp nhận và xử lý hồ sơ công chứng của bà Hoàng Thị Kinh D3 yêu cầu phân chia di sản thừa kế. Sau khi xem xét hồ sơ thì thấy nội dung yêu cầu là phù hợp, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Các bên công nhận hiểu rõ và hoàn toàn tự nguyện giao kết vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản. Tài sản yêu cầu phân chia không có tranh chấp, không bị kê biên. Do đó, công chứng viên đã chứng nhận vào Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 376, quyền số 01/2021/TP/SCC-CC/HĐGD ngày 09-3-2021 là hoàn toàn phù hợp theo quy Đ của pháp luật công chứng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L1 quan - ông Nguyễn Văn C2 trình bày:

Ông C2 là chỗ quen biết với ông Trịnh Văn T4. Năm 2019, những người con của ông T4, bà 3 đồng ý cho ông C2 vào canh tác trên phần đất nông nghiệp đang tranh chấp hiện nay. Ông C2 không có yêu cầu gì trong vụ án này và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông. Sau khi vụ án được giải quyết, ông C2 đồng ý trả lại diện tích đất đang sử dụng cho người có quyền sử dụng đất.

Người làm chứng - bà Tạ Thị L1 trình bày:

Chồng bà L1 ông Bùi Du Lịch (đã chết năm 2022) là cháu của bà Nguyễn Thị 3. Gia đình bà L1, ông Lịch sống ở gần nhà ông T4, bà 3. Khoảng vài ngày sau khi bà 3 mất, cả 05 người con của ông T4, bà 3 là bà N, bà Nguyệt (tức bà T2), bà M, ông H2 và ông P3 cùng đề nghị vợ chồng bà L1 sang để làm chứng cho buổi họp mặt gia đình. Hôm đó, ông Lịch qua trước còn bà L1 có việc nên qua sau. Sau khi bà L1 qua thì có được những người có mặt ở buổi họp nói lại nội dung của buổi họp mặt này như sau: Do bà N, bà Nguyệt (tức bà T2), bà M, ông H2 đều đang sinh sống ở nước ngoài nên không thể đứng tên trên giấy tờ nhà đất ở Việt Nam. Ông P3 là người con duy nhất ở Việt Nam nên được 04 chị em đồng ý để ông P3 là người đại diện đứng tên trên giấy tờ đất ở Việt Nam. Trường hợp ông P3 muốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì phải được sự đồng ý của 04 người còn lại ở nước ngoài. Bà L1 xác nhận bà L1 là người ký vào bên dưới mục “Nhân chứng 1” của cả 05 bản “*Tờ thỏa thuận gia đình về việc xử lý tài sản chung là di sản thừa kế của bố mẹ*” đề ngày 11-11-2013.

Chi nhánh Văn P đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa có văn bản nêu ý kiến như sau:

Căn cứ Điều 503 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1, 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 5 Luật công chứng năm 2014; Hợp đồng ủy quyền số 726 ngày 13-11-2013 tại Văn P công chứng Bà Rịa; Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 0368 ngày 23-01-2014 tại Văn P công chứng Bà Rịa và Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 376 ngày 09-3-2021 tại Văn P công chứng Lê T2 B1 thì việc Chi nhánh Văn P đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa chỉnh lý ngày 21-02-2014 (về thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Toàn P3) và chỉnh lý ngày 26-3-2021 (về thừa kế quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Hoàng P) là hoàn toàn đúng theo quy Đ của pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh B quyết Đ:

Căn cứ khoản 3, khoản 5, khoản 11 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 121, 122, 581, 582, 584, 585, 586, 587, 589, 634, 674, 675, 676, 681 Bộ luật dân sự 2005; Điều 116, 117, 649, 650, 651, 655 Bộ luật dân sự; Điều 167, Điều 168 Luật Đất đai 2013; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N (TRINH STÉPHANIE) đối với bị đơn ông Trịnh Hoàng P về việc:

- Hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 726 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 13-11-2013 giữa bên ủy quyền bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 và bên nhận ủy quyền bà Hoàng Thị Kinh D3.

- Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 0368 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 23-01-2014 giữa bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 (do bà Hoàng Thị Kinh D3 nhận ủy quyền) và ông Trịnh Toàn P3.

- Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản do Văn P công chứng Lê T2 B1 công chứng ngày 09-3-2021 giữa bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Hoàng P.

- Hủy nội dung cập nhật nhận thừa kế toàn bộ diện tích cho ông Trịnh Toàn P3 ngày 21-02-2014 và để thừa kế cho ông Trịnh Hoàng P ngày 26-3-2021 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 722288 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp ngày 09-02-1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 863994 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp ngày 15-5-2000 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7202000124 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 22-01-2001.

- Công nhận diện tích đất 824,1m² và 01 căn nhà 01 tầng gắn liền trên đất thuộc thửa 211 (235 cũ); diện tích đất 3.405,7m² thuộc thửa đất 218 (253 cũ), diện tích đất 625,3m² thuộc thửa đất 235 (266 cũ) và diện tích đất 2.384,3m² thuộc thửa đất 209 (236 cũ) cùng tờ bản đồ 19 (51 cũ) tọa lạc phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa là di sản thừa kế do ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 để lại.

- Chia những di sản thừa kế nêu trên của ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 05 người: bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 và ông Trịnh Toàn P3 (đã chết năm 2020, người thừa kế là bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Hoàng P), mỗi người một phần bằng nhau, trong đó nguyên đơn được hưởng 01 phần.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết Đ về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy Đ của pháp luật.

Ngày 14/6/2023, nguyên đơn bà Trịnh Thị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 do ông Phan Minh Đ đại diện theo ủy quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp PC thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa PC thẩm:

Ông Đỗ Khắc P và Luật sư Phạm Văn T trình bày: Tài sản tranh chấp là di sản của ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 để lại. Ngày 11-11-2013, 05 người con chung của ông T4, bà 3 là bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 và ông Trịnh Toàn P3 đã cùng lập “Tờ thỏa thuận gia đình về việc xử lý tài sản chung là di sản thừa kế của bố mẹ” thống nhất di sản thừa kế của ông T4, bà 3 để lại. Do bà T2, bà N, bà M và ông H2 là người có quốc tịch nước ngoài, không đủ điều kiện đứng tên nhà ở và quyền sử dụng đất tại Việt Nam nên bà T2, bà N, bà M và ông H2 đồng ý để cho em ruột là ông Trịnh Toàn P3 đại diện đứng tên pháp lý trên hồ sơ khai nhận di sản của cha mẹ đối với các tài sản nêu trên. Ông P3 là người duy nhất đủ điều kiện đứng tên nhà và đất này, chỉ được đại diện đứng tên trên giấy tờ nhà và đất nhưng đây vẫn là tài sản chung của 05 chị em, khi muốn Đ đoạt các tài sản này thì phải có ý kiến đồng thuận của cả 05 người. Vì điều kiện không thể ở lại Việt Nam lâu hơn nên bà T2, bà N, bà M và ông H2 lập Hợp đồng ủy quyền số công chứng 726 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 13-11-2013 cho bà Hoàng Thị Kinh D3 (vợ ông Trịnh Toàn P3) với nội dung cho bà D3 được thay mặt cho bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 khai nhận di sản thừa kế, thỏa thuận phân chia di sản và khước từ di sản của ông T4, bà 3. Việc bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Toàn P3 lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông T4, bà 3 với nội dung đồng ý tặng cho toàn bộ phần di sản mà mình được hưởng của ông Trịnh Văn T4, bà Nguyễn Thị 3 cho ông Trịnh Toàn P3 là trái với ý chí của các anh em. Năm 2020, ông P3 chết, sau đó bà D3 và ông P lập Văn bản thỏa thuận cho ông P được toàn quyền sở hữu và sử dụng tài sản nêu trên mà không thông báo và bàn bạc với bà T2, bà N, bà M và ông H2 là trái pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bà T2, bà N, bà M và ông H2. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của những người kháng cáo; sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Bà Hoàng Thị Kinh D3 trình bày: Hợp đồng ủy quyền số công chứng 726 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 13-11-2013 là chứng cứ thể hiện ý chí của những người tham gia ký kết hợp đồng này. Các anh em của ông P3 đều đi nước ngoài, gia đình ông P3 ở Việt Nam nên các anh em đã đồng ý để lại toàn bộ phần di sản của cha, mẹ cho ông P3. Bà D3 không biết nội dung Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013, đây là chứng cứ giả của phía bà N đưa ra. Bà T2, bà N, bà M và ông H2 đã tự nguyện từ chối nhận di sản thừa kế của bố mẹ để lại và để ông P3 được toàn quyền quyết Đ đối với toàn bộ tài sản này, không bị ép buộc. Việc bà D3 ký Hợp đồng ủy quyền số 726 ngày 13-11-2013 và Văn bản thỏa thuận phân

chia di sản ngày 23-01-2014 tại Văn P công chứng Bà Rịa là do ông P3 nói bà ký và phù hợp với ý chí của bà D3. Sau khi ông P3 chết thì ông P đã được đứng tên hợp pháp trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở. Tài sản là nhà đất này là thuộc quyền sử dụng của ông P. Do đó, bà D3 đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của những người kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Trịnh Hoàng P trình bày: Diện tích đất 4.802,2m² và 2.350,6m², căn nhà diện tích sử dụng 110,5m², diện tích xây dựng 130m², tọa lạc tại phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông P, vì ông P được hưởng thừa kế từ cha là ông P3. Ông P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của những người kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố H2 nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện các tài liệu, chứng cứ của vụ án, xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Pc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Pc thẩm, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ đóng tạm ứng án phí, đương sự đã thực hiện đúng theo quy Đ của pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa, một số đương sự vắng mặt nhưng những người này đã có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử Pc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu tuyên hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 13/11/2013 và tuyên bố Văn bản thỏa thuận di sản thừa kế ngày 24/01/2014 vô hiệu:

[2.1.1] Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan kháng cáo cho rằng bà Hoàng Thị Kinh D3 nhân danh bà N, bà M, bà T2, ông H2 thỏa thuận phân chia toàn bộ di sản thừa kế của ông T4, bà 3 để lại cho một mình ông P3 là vượt quá phạm vi ủy quyền.

Xét, tại mục 1 của Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013, các bên thỏa thuận: “*Bên B (bên được ủy quyền) được quyền thay mặt và đại diện bên A L1 hệ với tổ chức công chứng và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để T hành các thủ tục cần thiết L1 quan đến thủ tục khai nhận di sản và thỏa thuận phân chia di sản, khước từ di sản của ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 đối với di sản ...*”. Tại mục 2 của Hợp đồng trên ghi nhận: “*Trong phạm vi ủy quyền, bên B do bà Hoàng Thị Kinh D3 được quyền L1 hệ với tổ chức công chứng và các cơ quan chức năng để T hành các thủ tục về các hành vi đã được ủy quyền, nộp và nhận hồ sơ, ký tên trên các giấy tờ L1 quan và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người ủy quyền theo quy Đ.... Thời hạn ủy quyền là 05 năm hoặc đến khi hoàn tất việc khai nhận và thỏa thuận phân chia di sản, khước từ di sản theo quy Đ*”.

Căn cứ vào các nội dung thỏa thuận nêu trên thì những người ủy quyền là bà N, bà T2, bà M và ông H2 đã ủy quyền cho bà D3 được thay mặt mình để T hành các thủ tục cần thiết L1 quan đến thủ tục khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản, khước từ di sản của ông T4, bà 3. Do vậy, việc bà D3 căn cứ theo Hợp đồng ủy quyền trên để ký Văn bản thỏa thuận di sản ngày 23-01-2014 là hoàn toàn phù hợp với phạm vi ủy quyền và thời hạn ủy quyền mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng ủy quyền trên. Nguyên đơn cho rằng việc ký Văn bản thỏa thuận di sản ngày 23-01-2014 của bà D3 là vượt quá phạm vi ủy quyền ban đầu là không có căn cứ chấp nhận.

[2.1.2] Xét việc nguyên đơn cho rằng bà D3 ký Văn bản thỏa thuận di sản ngày 23-01-2014 là trái với ý chí của những người ủy quyền đã thể hiện trong Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013.

Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013 là văn bản thỏa thuận do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký của tất cả 5 đồng thừa kế của ông T4, bà 3 là Trịnh Thị T2, Trịnh Thị N, Trịnh Thị Tuyết M, Trịnh Văn H2, Trịnh Toàn P3 và 02 người làm chứng là ông Bùi Du Lịch và bà Tạ Thị L1. Theo nguyên đơn và bà T2, bà M, ông H2 thì văn bản này được lập tại Văn P luật sư, bà N, bà T2, bà M và ông P3 ký tại Văn P luật sư, còn ông H2 do đi lại khó khăn nên ký tại nhà đất tranh chấp. Nội dung tờ thỏa thuận này ghi nhận ý chí của 5 chị em trong việc để cho ông P3 đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất tranh chấp, do ông P3 là người duy nhất cư trú tại Việt Nam, còn 4 người còn lại đang Đ cư ở nước ngoài nên không đứng tên nhà đất tại Việt Nam được. Ông P3 chỉ được đứng tên trên giấy tờ còn việc Đ đoạt các di sản này phải có sự đồng ý của 4 người còn lại vì đây vẫn là tài sản chung của 5 chị em.

Tại Kết luận giám Đ số 140/KL-KTHS-TL ngày 15-12-2022 của P kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (B1 227) và Kết luận giám Đ số 1028/KL-KTHS ngày 22-3-2023 của Phân viện khoa học hình sự của Bộ Công an tại Thành phố H2 (B1 232) đã xác Đ chữ ký và chữ viết “Trịnh Toàn P3” trong Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013 là của ông Trịnh Toàn P3. Nhưng cũng tại Kết luận giám Đ này cũng kết luận: “*Mẫu cần giám Đ ký hiệu A bị thay trang*”. Còn tại Kết luận giám Đ số 1028/KL-KTHS ngày 22-3-2023 của Phân viện khoa học hình sự của Bộ Công an (B1 232) kết luận: “*Nội dung chữ đánh máy tại trang 1 của Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013 cùng font chữ, kích cỡ với nội dung chữ đánh máy văn*

bản trang số 3 (trừ nội dung: “Thửa đất: 236; tờ bản đồ số 51; diện tích: 300m²; hình thức sử dụng: Riêng 300m²”) và không cùng font chữ, kích cỡ với nội dung chữ đánh máy văn bản trang số 2 trên tài liệu cần giám Đ A. Nội dung chữ đánh máy văn bản trang số 2 có cùng font chữ, kích cỡ với nội dung chữ đánh máy: “Thửa đất: 236; tờ bản đồ số 51; diện tích: 300m²; hình thức sử dụng: Riêng 300m²” tại dòng 1, dòng 2 trang số 3”.

Xét thấy, Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013 gồm 03 trang, nhưng không có chữ ký của các đồng thừa kế trên trang 1, trang 2; văn bản này không được công chứng, chứng thực. Khi giao kết hợp đồng ủy quyền, bà T2, bà N, bà M và ông H2 đã được đọc lại và thống nhất nội dung hợp đồng, tự nguyện ký vào hợp đồng. Kết hợp với các kết luận giám Đ nêu trên cho thấy nội dung đánh máy tại trang 1, trang 2 và trang 3 của Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013 là không hoàn toàn giống nhau về font chữ, kích cỡ chữ, vị trí đánh số trang và có sự bất thường về khoảng cách giữa các dòng của trang 3. Do đó, không đủ cơ sở xác Đ tính khách quan, tính có căn cứ và tính hợp pháp của chứng cứ này.

Mặt khác, theo lời khai của bà N, bà M, bà T2 và ông H2 thì khi lập Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013, chỉ có 5 chị em ruột là bà N, bà M, bà T2, ông H2, ông P3 và 02 người làm chứng tham gia và trực tiếp ký tên vào văn bản này, còn bà D3 hoàn toàn không tham gia, không ký tên vào Tờ thỏa thuận này và cũng không được giữ Tờ thỏa thuận này. Nội dung tờ thỏa thuận này gián tiếp điều chỉnh về quyền và nghĩa vụ của bà D3. Bà D3 không thừa nhận được tham dự việc thỏa thuận về phân chia di sản giữa 5 chị em ruột của ông P3 nêu trên và không biết gì về Tờ thỏa thuận. Hơn nữa, Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013 đã được Văn P công chứng Bà Rịa chứng thực và được xác lập sau Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013. Giả sử có việc bà N, bà M, bà T2, ông H2, ông P3 lập tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013 thì đến ngày 13-11-2013 bà N, bà M, bà T2, ông H2, ông P3 vẫn có quyền thay đổi ý chí của mình theo nội dung Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013. Do đó, trong trường hợp này Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013 được coi là căn cứ xác Đ ý chí của bà T2, bà N, bà M và ông H2 đối với di sản thừa kế của cha mẹ để lại.

Như vậy, có căn cứ xác Đ bà T2, bà N, bà M, ông H2 và ông P3 đồng ý xác lập thỏa thuận mới tại Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013, giao cho bà D3 được toàn quyền quyết Đ việc khai nhận di sản và thỏa thuận phân chia di sản; khước từ di sản của ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 để lại mà không kèm theo điều kiện hạn quyền nào khác đối với bà D3. Do đó, bà D3 đã căn cứ vào thỏa thuận mới này để thực hiện việc thỏa thuận di sản thừa kế với ông P3 là hoàn toàn hợp pháp.

[2.1.3] Nguyên đơn còn cho rằng bà T2, bà N, bà M và ông H2 không được bà D3 thông báo về việc ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23-01-2014 với ông D3. Tuy nhiên, xét thấy nghĩa vụ này không được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013 nên bà D3 không buộc phải thực hiện; đồng thời văn bản này cũng đã được Văn P công chứng Bà Rịa niêm yết công khai trong thời hạn 15 ngày tại Ủy ban nhân dân phường Long Hương và

phường Kim Dinh theo đúng quy Đ của pháp luật (Bl 138c-138h). Vì vậy, ý kiến này của phía nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.1.4] Đối với chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Vi bằng số 1162/2022/VB-TPLSG do Văn P Thừa phát lại Sài Gòn lập ngày 26-12-2022, nội dung Vi bằng ghi nhận cuộc nói chuyện điện thoại nhóm giữa bà T2, bà N, bà M, ông H2, bà D3, ông P và 01 file văn bản có tiêu đề “Biên bản cam kết”. Qua xem xét các chứng cứ này Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc nói chuyện điện thoại nhóm nêu trên, ông P có đề cập đến việc bán đất và chia tiền theo tỷ lệ 7/3, trong đó ông P và bà D3 được 3 phần. Nhưng nội dung cuộc nói chuyện này cũng không đề cập đến bán các thửa đất nào, có phải là các thửa đất tranh chấp hay không và hoàn toàn không đề cập gì đến nội dung thỏa thuận tại Tờ thỏa thuận ngày 11-11-2013 hay Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013 và văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế L1 quan. Điều này cho thấy, giữa các bên tham gia cuộc nói chuyện này không có tranh chấp gì về giá trị pháp lý của các văn bản thỏa thuận trên mà chỉ bàn bạc việc sẽ bán đất và chia tiền. Tuy nhiên, sau đó các bên cũng không thống nhất để thực hiện theo nội dung cuộc nói chuyện này, nên đây không phải là căn cứ để xác Đ hợp đồng ủy quyền và văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trên vô hiệu.

Đối với file văn bản “*Biên bản cam kết*” được nguyên đơn cung cấp từ tin nhắn điện thoại: Bị đơn thừa nhận có gửi file này cho bạn của bà N nhưng văn bản này được lập theo yêu cầu của bà N và sau đó ông P không đồng ý với nội dung văn bản này nên không ký và thực hiện theo. Vì vậy, các chứng cứ ghi nhận trong vi bằng trên không chứng minh được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp pháp.

[2.1.5] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013 và tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23-01-2014 vô hiệu là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố Văn bản thỏa thuận di sản thừa kế ngày 09-3-2021 vô hiệu:

Do Hợp đồng ủy quyền ngày 13-11-2013 và Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23-01-2014 hợp pháp và ông Trịnh Toàn P3 đã được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các thửa đất (có nguồn gốc trước đây là di sản thừa kế của ông T4, bà 3 để lại) nên đây là tài sản hợp pháp của ông P3. Sau khi ông P3 chết vào ngày 10-11-2020, các đồng thừa kế của ông P3 là bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Hoàng P đã T hành việc khai nhận, thỏa thuận di sản thừa kế của ông P3 theo Văn bản thỏa thuận di sản thừa kế ngày 09-3-2021 được công chứng tại Văn P công chứng Lê T2 B1. Ông P cũng đã được đăng ký sang tên quyền sử dụng đất đối với các di sản mà ông Trịnh Toàn P3 để lại theo đúng quy Đ của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên bố văn bản nêu trên vô hiệu là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu hủy nội dung cập nhật nhận thừa kế toàn bộ diện tích cho ông Trịnh Toàn P3 ngày 21-02-2014 và đề thừa kế cho ông Trịnh Hoàng P ngày 26-3-2021 tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Như đã phân tích ở các phần nội dung trên, Hợp đồng ủy quyền ngày 12-11-2013 và các văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 23-01-2014 và ngày 09-3-2021 là hợp pháp nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là đúng quy Đ của pháp luật.

[2.4] Xét yêu cầu chia di sản thừa kế:

Do di sản thừa kế tranh chấp trong vụ án này của ông T4, bà 3 đã được các đồng thừa kế của ông T4, bà 3 thỏa thuận phân chia xong bằng các giao dịch dân sự có hiệu lực pháp luật như đã phân tích tại các nội dung trên nên Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà N về việc chia di sản thừa kế của ông T4, bà 3 theo pháp luật cho các đồng thừa kế là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá các chứng cứ của vụ án khách quan, toàn diện và xét xử đúng quy Đ pháp luật. Tại Tòa án cấp Sơ thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L1 quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí dân sự Sơ thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trịnh Thị N (), Trịnh Thị Tuyết M (), ông Trịnh Văn H2 () phải chịu; bà Trịnh Thị T2 () là người C2 tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 121, 122, 581, 582, 584, 585, 586, 587, 589, 634, 674, 675, 676, 681 Bộ luật dân sự 2005; Điều 116, 117, 649, 650, 651, 655 Bộ luật dân sự;

Điều 167, Điều 168 Luật Đất đai 2013;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Trịnh Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị N (TRINH STÉPHANIE) đối với bị đơn ông Trịnh Hoàng P về việc:

2.1. Hủy Hợp đồng ủy quyền số công chứng 726 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 13-11-2013 giữa bên ủy quyền bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 và bên nhận ủy quyền bà Hoàng Thị Kinh D3.

2.2. Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số công chứng 0368 do Văn P công chứng Bà Rịa công chứng ngày 23-01-2014 giữa bà Trịnh Thị T2,

bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 (do bà Hoàng Thị Kinh D3 nhận ủy quyền) và ông Trịnh Toàn P3.

2.3. Tuyên vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản do Văn P công chứng Lê T2 B1 công chứng ngày 09-3-2021 giữa bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Hoàng P.

2.4. Hủy nội dung cập nhật nhận thừa kế toàn bộ diện tích cho ông Trịnh Toàn P3 ngày 21-02-2014 và đề thừa kế cho ông Trịnh Hoàng P ngày 26-3-2021 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 722288 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp ngày 09-02-1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 863994 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bà Rịa cấp ngày 15-5-2000 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7202000124 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 22-01-2001.

2.5. Công nhận diện tích đất 824,1m² và 01 căn nhà 01 tầng gắn liền trên đất thuộc thửa 211 (235 cũ); diện tích đất 3.405,7m² thuộc thửa đất 218 (253 cũ), diện tích đất 625,3m² thuộc thửa đất 235 (266 cũ) và diện tích đất 2.384,3m² thuộc thửa đất 209 (236 cũ) cùng tờ bản đồ 19 (51 cũ) tọa lạc phường Kim Dinh, thành phố Bà Rịa là di sản thừa kế do ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 để lại.

2.6. Chia những di sản thừa kế nêu trên của ông Trịnh Văn T4 và bà Nguyễn Thị 3 theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 05 người: bà Trịnh Thị T2, bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị Tuyết M, ông Trịnh Văn H2 và ông Trịnh Toàn P3 (đã chết năm 2020, người thừa kế là bà Hoàng Thị Kinh D3 và ông Trịnh Hoàng P), mỗi người một phần bằng nhau, trong đó nguyên đơn được hưởng 01 phần.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí đo vẽ, thẩm Đ giá, xem xét thẩm Đ tại chỗ và sao lục tài liệu, chứng cứ là 59.621.000 (năm mươi chín triệu, sáu trăm hai mươi một ngàn) đồng, bà Trịnh Thị N phải chịu và đã nộp xong.

4. Về án phí:

4.1 Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị N phải chịu là 116.018.654 (một trăm mười sáu triệu, không trăm mười tám ngàn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng. Số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000179 ngày 16-3-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được khấu trừ vào tiền án phí Pc thẩm bà N phải chịu. Bà N còn phải nộp số tiền 100.018.654 (một trăm triệu, không trăm mười tám ngàn, sáu trăm năm mươi bốn) đồng.

4.2 Án phí dân sự Pc thẩm:

- Bà Trịnh Thị T2 () được miễn. Hoàn trả cho bà Trịnh Thị T2 () 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006077 ngày 16/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

- Bà Trịnh Thị N (), Trịnh Thị Tuyết M (), ông Trịnh Văn H2 () phải chịu mỗi đương sự 300.000 đồng. Số tiền 900.000 đồng tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo các biên lai thu số 0006075, 0006076, 0006078 cùng ngày 16/6/2023

của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B được khấu trừ vào tiền án phí Pc thẩm bà N, bà M, ông H2 phải nộp.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối C2 (1);
- VKSND cấp C2 tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Các đương sự (9);
- Lưu HSVA (1), VP (5), 20 (LMA);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh

